TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2025
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Đỗ Ngọc Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Việt P - sinh năm 1978.
ĐKHKTT: thôn Linh An, xã T, huyện R, tỉnh Q.
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1980.
ĐKHKTT: khu 5, xã N, huyện L, tỉnh P.
Hiện nay đang ở nước ngoài.

(Anh P có đơn xin xét xử vắng mặt; chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Việt P trình bày: anh P và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 14/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện R, tỉnh Q. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Từ năm 2009 đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng không giải quyết được, vợ chồng anh chị đã ly thân 15 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên anh P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh Nguyễn Việt P xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn B, sinh ngày 21/11/2005. Hiện nay cháu B đã thành niên nên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: anh Nguyễn Việt P xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Việt P đề nghị Tòa án không tiến hành C giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Anh Nguyễn Việt P trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài nên chị không thể cung cấp địa chỉ của chị H cho Tòa án được. Anh P đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của chị H ở nước ngoài thông qua mẹ đẻ của chị H là bà Nguyễn Thị C.

Thân nhân của chị Nguyễn Thị H - bà Nguyễn Thị C trình bày: bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H, chị H hiện nay đang ở nước ngoài (Hàn Quốc). Hiện tại bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị H qua điện thoại nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở chỗ nào tại Hàn Quốc vì chị H không nói cho bà biết. Do vậy bà C không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của chị H tại Hàn Quốc cho Tòa án. Bà C cũng đã nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H được biết. Việc anh P làm đơn xin ly hôn chị H, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Việt P. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Nguyễn Việt P được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Về con chung, tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: anh Nguyễn Việt P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Việt P nộp đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn anh P trình bày hiện nay chị H đang sống và làm việc ở nước ngoài. Tại văn bản số: 1339/QLXNC-Đ1

ngày 08/11/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh P đã xác nhận chị H đã xuất cảnh và hiện chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này chị H không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành C giải được theo quy định tại khoản Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Việt P và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 14/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện R, tỉnh Q. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn C thuận, yêu thương nhau. Trong thời gian chị H đi nước ngoài giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị H .

Chị Nguyễn Thị H hiện nay đang ở nước ngoài, anh Nguyễn Việt P chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị Nguyễn Thị H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của anh P, Tòa án đã xác minh địa chỉ của chị H ở nước ngoài thông qua mẹ đẻ của chị H là bà Nguyễn Thị C.

Mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H - bà Nguyễn Thị C cung cấp thông tin như sau: hiện tại bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị H nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài vì chị H không nói cho bà được biết. Do vậy, bà C không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của chị H cho Tòa án được. Bà C cũng nhất trí nhận thay chị H các văn bản tố tụng và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H biết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng anh P và chị H đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Nguyễn Việt P đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của anh P được chấp nhận.

- Về con chung: hồ sơ vụ án thể hiện trong thời kỳ hôn nhân anh Nguyễn Việt P và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn B, sinh ngày 21/11/2005. Xét thấy hiện cháu B đã thành niên, có đủ khả năng tự túc lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: anh Nguyễn Việt P xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Nguyễn Việt P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Việt P.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Việt P được ly hôn với chị Nguyễn Thị H .

[2] Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Nguyễn Việt P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Việt P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000453 ngày 26/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Nguyễn Việt P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Nguyễn Thị H là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Ngọc Tuấn